

Số: 02/ĐA-UBND

Na Rì, ngày 11 tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị
sự nghiệp công lập từ hạng III lên hạng II, từ hạng IV và tương đương
lên hạng III và tương đương, huyện Na Rì năm 2025**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ngày 07/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, theo đó việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chỉ còn hình thức xét thăng hạng thông qua việc thẩm định hồ sơ của viên chức.

Đến thời điểm tháng 11 năm 2024, Bộ chuyên ngành đã ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II phù hợp với quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ, gồm: Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các Quyết định: số 2609/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Na Rì; số 1534/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 về việc bổ sung vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của vị trí việc làm; điều chỉnh cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Na Rì; số 785/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 về việc điều chỉnh cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Na Rì. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Na Rì xây dựng Đề án thăng hạng

CDNN đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện; chỉ đạo viên chức học tập, bồi dưỡng hoàn thiện tiêu chuẩn CDNN, vị trí việc làm. Qua rà soát, hiện nay nhiều viên chức đã đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng CDNN.

Để tạo điều kiện cho viên chức được tham dự các kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu CDNN theo vị trí việc làm, việc xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức từ hạng III và tương đương lên hạng II và tương đương, từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương năm 2025 của huyện Na Rì là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Viên chức năm 2010;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;
3. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2021 về tuyển dụng và quản lý viên chức;
5. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
6. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;
7. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;
8. Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

9. Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;
10. Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;
11. Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;
12. Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao;
13. Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao;
14. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;
15. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;
16. Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 144/CV-BTC ngày 06/01/2025 của Bộ Tài chính về trao đổi nghiệp vụ.
17. Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;
18. Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;
19. Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức,

- viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;
20. Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Na Rì; Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc bổ sung vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực của vị trí việc làm; điều chỉnh cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Na Rì; Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc về việc điều chỉnh cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Na Rì;
21. Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025;
22. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức; người giữ chức danh, chức vụ, kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn;
23. Công văn số 1119/SNV-CCVC ngày 11/6/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn về chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025 của UBND huyện Na Rì.

Phần II

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG

1. Mục đích

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của huyện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.
- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho viên chức; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu CDNN nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức.
- Động viên, khuyến khích viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu và nguyên tắc xét thăng hạng

- Việc xét thăng hạng CDNN viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu

chuẩn CDNN và phù hợp với cơ cấu viên chức theo CDNN của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN nếu đơn vị có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Phạm vi

Đề án này quy định việc tổ chức xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II; từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương đối với viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Na Rì theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về thăng hạng đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối tượng

Viên chức đang giữ CDNN hạng III, hạng IV và tương đương có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của CDNN hạng II, hạng III và tương đương liền kề hạng CDNN hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

Phần III SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CDNN VIÊN CHỨC HIỆN CÓ, NHU CẦU THĂNG HẠNG CDNN

I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU CDNN VIÊN CHỨC

1. Số biên chế được giao

Tại Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025, UBND huyện Na Rì được giao tổng số lượng người làm việc là 915 người, trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 892 người.
- Sự nghiệp Văn hóa, thể thao và Truyền thông: 12 người.
- Sự nghiệp khác: 11 người.

2. Số biên chế có mặt

Số lượng viên chức thuộc UBND huyện Na Rì có mặt (tính đến thời điểm ngày 01/6/2025) là 906 người, trong đó:

- Viên chức lãnh đạo, quản lý: 100 người (03 Giám đốc, 40 Hiệu trưởng, 03 Phó Giám đốc, 54 Phó Hiệu trưởng);

- Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 806 người (08 giáo viên THPT, 207 giáo viên THCS, 248 giáo viên Tiểu học, 221 giáo viên Mầm non, 01 giáo viên giáo dục nghề nghiệp, 17 nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm, 23 nhân viên Thư viện viên, 05 nhân viên Văn thư, 21 nhân viên Kế toán, 40 nhân viên Y tế, 01 thư viện viên, 01 phương pháp viên, 01 phóng viên, 03 tuyên truyền viên văn hóa trung cấp, 01 kỹ thuật viên, 02 chẩn đoán bệnh động vật, 02 bảo vệ thực vật, 01 khuyến nông, 01 cán sự, 01 nhân viên quản trị công sở, 01 nhân viên thủ quỹ).

3. Cơ cấu CDNN hiện có

- Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý 100 viên chức, trong đó:

+ Hạng II: 28 viên chức (17 Hiệu trưởng, 11 Phó Hiệu trưởng).

+ Hạng III: 72 viên chức (03 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 23 Hiệu trưởng, 43 Phó Hiệu trưởng).

- Vị trí việc làm chuyên ngành: 714 viên chức, trong đó:

+ Hạng II: 91 viên chức (56 Giáo viên THCS, 30 Giáo viên Tiểu học, 05 Giáo viên Mầm non).

+ Hạng III: 592 viên chức (08 giáo viên THPT, 151 giáo viên THCS, 216 giáo viên tiểu học, 209 giáo viên Mầm non, 01 thư viện viên, 01 phương pháp viên, 01 phóng viên, 02 bảo vệ thực vật, 02 chẩn đoán bệnh động vật, 01 khuyến nông).

+ Hạng IV: 31 viên chức (02 giáo viên Tiểu học, 07 giáo viên Mầm non, 17 thiết bị thí nghiệm, 01 giáo viên giáo dục nghề nghiệp, 03 tuyên truyền viên văn hóa, 01 kỹ thuật viên).

- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung 92 viên chức, trong đó:

+ Hạng III: 02 viên chức (02 nhân viên kế toán).

+ Hạng IV: 90 viên chức (19 nhân viên kế toán, 40 nhân viên y tế, 23 nhân viên thư viện, 01 nhân viên quản trị công sở, 05 nhân viên văn thư, 01 cán sự, 01 nhân viên thủ quỹ).

II. CHỈ TIÊU, SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CDNN

1. Chỉ tiêu thăng hạng CDNN

Chỉ tiêu thăng hạng CDNN viên chức được Sở Nội vụ thống nhất cho ý kiến tại Công văn số 1119/SNV-CCVC ngày 11/6/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn về chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025 của UBND huyện Na Rì là 308 chỉ tiêu viên chức, cụ thể:

1.1. Xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II

- Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 66 chỉ tiêu, trong đó:

- + Vị trí giáo viên Mầm non hạng II: 36 (13 Hiệu trưởng, 23 Phó Hiệu trưởng).
- + Vị trí giáo viên Tiểu học hạng II: 16 chỉ tiêu (02 Hiệu trưởng, 14 Phó Hiệu trưởng).
- + Vị trí giáo viên THCS hạng II: 11 chỉ tiêu (07 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng).
- + Vị trí giáo viên THPT hạng II: 02 chỉ tiêu (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc).
- + Vị trí Huấn luyện viên chính (hạng II): 01 chỉ tiêu (01 Phó Giám đốc).
- Đối với vị trí việc làm không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 211 chỉ tiêu, trong đó:
 - + Vị trí giáo viên Mầm non hạng II: 71 chỉ tiêu.
 - + Vị trí giáo viên Tiểu học hạng II: 54 chỉ tiêu.
 - + Vị trí giáo viên THCS hạng II: 84 chỉ tiêu.
 - + Vị trí giáo viên THPT hạng II: 02 chỉ tiêu.

1.2. Xét thăng hạng từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương

- Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 0 chỉ tiêu.
- Đối với vị trí việc làm không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 31 chỉ tiêu, trong đó:
 - + Vị trí Tuyên truyền viên văn hóa: 02 chỉ tiêu.
 - + Vị trí Thư viện viên: 12 chỉ tiêu.
 - + Vị trí Kế toán viên: 16 chỉ tiêu.
 - + Vị trí chuyên viên: 01 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Số lượng viên chức đề nghị xét thăng hạng CDNN

- Đề nghị xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II: 277 viên chức, trong đó:
 - + Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 66, trong đó: Bậc Mầm non 36 (13 Hiệu trưởng, 23 Phó Hiệu trưởng); bậc Tiểu học 16 (02 Hiệu trưởng, 14 Phó Hiệu trưởng); bậc THCS 11 (07 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng); bậc THPT 02 (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc), Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông: 01 Giám đốc).
 - + Đối với vị trí việc làm không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 211, trong đó: 71 giáo viên mầm non, 54 giáo viên tiểu học, 84 giáo viên THCS, 02 giáo viên THPT.
 - Đề nghị xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III: 31 viên chức, trong đó:
 - + Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 0
 - + Đối với vị trí việc làm không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 31 viên chức (02 tuyên truyền viên văn hóa, 16 Kế toán viên, 12 Thư viện viên, 01 chuyên viên).

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung: Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận CDNN ở hạng cao hơn liền kề hạng CDNN hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn CDNN dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý CDNN viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng CDNN; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ CDNN hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn CDNN dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng CDNN mà CDNN đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác *(không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ)* theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp *(nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn)* và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở CDNN hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng CDNN hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ CDNN hạng dưới liền kề so với hạng CDNN dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

2.1. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Giáo viên Mầm non hạng II

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên mầm non hạng III *(mã số V.07.02.26)*.

2. Trong thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III và tương đương,

có 02 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN giáo viên mầm non hạng III (*bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương*) theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.2. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Giáo viên Tiểu học hạng II

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN giáo viên tiểu học hạng II (*mã số V.07.03.28*) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên tiểu học hạng III (*mã số V.07.03.29*).

2. Trong thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN giáo viên tiểu học hạng III (*bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương*) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.3. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Giáo viên THCS hạng II

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II (*mã số V.07.04.31*) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (*mã số V.07.04.32*).

2. Trong thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liên kế trước năm dự xét thăng hạng CDNN được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-

BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.4. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Giáo viên THPT hạng II

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

2. Trong thời gian giữ CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng CDNN được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.5. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Huấn luyện viên chính (hạng II)

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng từ CDNN Huấn luyện viên

(hạng III) lên CDNN Huấn luyện viên chính (hạng II) phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và có thời gian công tác giữ CDNN Huấn luyện viên (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)* đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)*. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm *(đủ 12 tháng)* đang giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.6. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Tuyên truyền viên văn hóa

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng từ CDNN Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên CDNN Tuyên truyền viên văn hóa phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và có thời gian công tác giữ CDNN Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)* đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)*. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm *(đủ 12 tháng)* đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hóa trung cấp tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.7. Viên chức dự xét thăng hạng CDNN Thư viện viên hạng III

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng từ CDNN Thư viện viên hạng IV lên CDNN Thư viện viên hạng III phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và có thời gian công tác giữ CDNN Thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)* đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)* đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm *(đủ 12 tháng)* đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.8. Viên chức dự xét thăng hạng Kế toán viên (hạng III)

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng từ CDNN kế toán viên trung cấp (hạng IV) lên CDNN kế toán viên (hạng III) phải đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 5 Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Viên chức đang giữ CDNN kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ CDNN kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên *(không kể thời gian tập sự, thử việc)* trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ CDNN kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN thì được xét thăng hạng CDNN theo quy định tại khoản 16 Điều 1

Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.9. Viên chức dự xét thăng hạng viên chức hành chính từ CDNN cán sự lên CDNN chuyên viên

Viên chức hành chính được đăng ký dự xét thăng hạng từ CDNN cán sự lên chuyên viên phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sửa đổi bởi khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Yêu cầu đối với viên chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ và quy định của Bộ, ngành trung ương đối với viên chức dự xét thăng hạng theo từng chỉ tiêu cụ thể.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

IV. XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ và quy định của Bộ, ngành trung ương, được người đứng đầu đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận (*trong thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp*);
- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng

hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

V. DỰ KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

1. Thành viên Hội đồng xét thăng hạng CDNN: Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức huyện Na Rì năm 2025 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, gồm 07 người. Cụ thể:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

c) Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng CDNN do Chủ tịch UBND huyện quyết định;

d) Ủy viên kiêm Thư ký là Chuyên viên phòng Nội vụ.

2. Nguyên tắc làm việc và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét thăng hạng CDNN

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng CDNN, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng CDNN.

VI. HỒ SƠ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN

1.1. Thành phần hồ sơ bao gồm

a) Sơ yếu lý lịch viên chức (theo mẫu số HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng CDNN có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị

sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng CDNN xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng CDNN đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn CDNN xét thăng hạng.

đ) Bản sao chứng thực các Quyết định: Tuyển dụng, tiếp nhận; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; quyết định bổ nhiệm, chuyển CDNN; quyết định nâng bậc lương gần nhất.

e) Bản sao chứng thực văn bản chứng minh thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có).

1.2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN viên chức:

Viên chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đăng ký dự xét, được sắp xếp theo trình tự và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ theo thứ tự a, b, c,... Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

Viên chức chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, tính trung thực của hồ sơ.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng CDNN:

2.1. Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Hoàn thành trước 30/6/2025.

2.2. Địa điểm tổ chức xét thăng hạng: Trụ sở UBND huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ Dân phố số 1, thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

VII. TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

UBND huyện Na Rì tổ chức xét thăng hạng CDNN viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, điểm c Điều 38 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 và Mục 4 Chương II Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức.

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Do Ngân sách nhà nước chi trả theo quy định đối với các thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức và các thành viên tham gia các Ban khác theo quy định tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện

Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN huyện Na Rì năm 2025, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng CDNN năm 2025; ban hành kế hoạch tổ chức xét thăng hạng CDNN; quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng CDNN; phê duyệt danh sách viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; bổ nhiệm và xếp lương CDNN đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN năm 2025 theo phân cấp.

2. Trách nhiệm của phòng Nội vụ

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng CDNN huyện Na Rì năm 2025; tham mưu cho Hội đồng xét thăng hạng CDNN thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN huyện năm 2025, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng CDNN năm 2025; kế hoạch tổ chức xét thăng hạng CDNN; quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng CDNN.

- Tiếp nhận hồ sơ của người đã đăng ký xét thăng hạng (*ban hành kèm theo đề án*), có trách nhiệm tham mưu tổ chức thẩm định hồ sơ và lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng báo cáo Chủ tịch UBND huyện quyết định phê duyệt danh sách viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN năm 2025.

- Thông báo công khai đến toàn thể viên chức để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng; đăng tải trên Trang thông tin điện tử của huyện để các viên chức dự xét thăng hạng được biết.

- Lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí tổ chức xét thăng hạng CDNN theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trung tâm GDNN-GDTX huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

Căn cứ quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên

môn, nghiệp vụ đối với CDNN của viên chức dự xét thăng hạng và hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức, có trách nhiệm tham mưu xác định sự phù hợp về trình độ chuyên môn được đào tạo và trình độ kỹ năng nghề của viên chức với ngành, nghề, lĩnh vực theo quy định về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của viên chức; các minh chứng về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức.

Theo phân cấp và chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức xét thăng hạng CDNN đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch UBND huyện, Hội đồng xét thăng hạng CDNN.

4. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập

Có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành kỳ xét thăng hạng CDNN năm 2025 theo kế hoạch. Triển khai Đề án, kế hoạch, các văn bản về kỳ xét thăng hạng CDNN năm 2025 đến viên chức thuộc đơn vị.

Căn cứ danh sách viên chức đã được đơn vị đăng ký đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng CDNN ban hành kèm theo Đề án này, sau khi có văn bản tổ chức xét thăng hạng CDNN của UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm rà soát *(theo danh sách đơn vị đăng ký kèm theo Đề án này)*, cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng CDNN theo thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức dự xét thăng hạng thuộc thẩm quyền quản lý.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức năm 2025 của UBND huyện Na Rì. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND huyện *(qua phòng Nội vụ, bà La Thị Hà Lan - số điện thoại 0914.889.809)* để tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (B/cáo);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (B/cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng: Nội vụ, GD&ĐT, TC-KH;
- Các Trung tâm: VH-TT, DVNN, GDNN-GDTH;
- 40 đơn vị trường học;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện (Đăng tải);
- Lưu: VT, THNC, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Cương